

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP BẢN SAO CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ
NĂM 2025
(Cập nhật đến 15g00 ngày 11/7/2025)**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1	02046043	Dương Nguyễn Mỹ An	30/11/2007	7		
2	35003352	Hồ Vũ Gia An	18/12/2007	6.0		
3	52003846	Lại Hoàng An	07/07/2007	6.0		
4	02011382	Lê Nguyễn Quốc An	15/02/2007	6.5		
5	02046049	Lê Trần Khánh An	31/01/2007	7.5		1380
6	02005451	Ngô Gia An	01/08/2007	7		
7	02011383	Ngô Phúc An	30/09/2007	6		
8	55012618	Nguyễn Hải An	04/11/2007	8.0		
9	01040043	Nguyễn Hoàng Ngân An	24/11/2006	6.5		
10	02011386	Nguyễn Quốc An	11/06/2007	7		1360
11	04010419	Nguyễn Thị Minh An	17/11/2007	7		1500
12	02035995	Nguyễn Thị Thùy An	27/09/2007	7		
13	02063639	Nguyễn Tô Thảo An	08/05/2007	6.5		
14	41007533	Nguyễn Việt Khánh An	29/11/2007	7.0		
15	46000005	Phạm Đức An	21/01/2007	7.5		
16	44001043	Phạm Ngọc An	02/04/2007	8		1440
17	48000295	Phạm Quốc An	04/08/2007	7.5		
18	46000006	Phan Vũ Phương An	06/02/2006	6		
19	02002610	Trần Huỳnh Thúy An	18/12/2007	6.0		
20	01019305	Trần Thái An	03/07/2007	7.5		
21	02020681	Trịnh Huỳnh Vỹ An	16/11/2007	6.5		
22	02002670	Lâm Nguyễn Thiên Ân	15/08/2007	6		
23	04013291	Nguyễn Trâm Minh Ân	15/08/2007	7		1480
24	02028129	Dương Võ Minh An	12/03/2007	6.5		
25	02057824	Nguyễn Tường An	10/03/2007	7.0		
26	02096535	Bùi Huỳnh Thụy Anh	02/11/2007	6.5		
27	02046061	Bùi Trần Minh Anh	27/12/2007	6.5		
28	02020684	Chu Hoàng Anh	26/11/2007	7		
29	02002613	Chu Nguyễn Quỳnh Anh	03/03/2007	7.5		
30	02005459	Đặng Quỳnh Anh	18/06/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
31	02011397	Đào Vương Anh	23/01/2007	8.5		1500
32	48000568	Đinh Hữu Anh	02/06/2007	6.5		
33	02005462	Đỗ Nguyễn Minh Anh	16/10/2007	6.5		
34	35012127	Đỗ Trần Diệu Anh	31/10/2007	6.0		
35	02011404	Đỗ Văn Anh	09/01/2007	7.5		1350
36	02096538	Đoàn Trương Minh Anh	13/02/2007	6.5		
37	02011273	Dương Ngọc Trâm Anh	21/12/2007	7.5		
38	02080835	Hà Bảo Anh	29/08/2007	6.5		
39	51000767	Hà Bình Phương Anh	28/11/2007	6.5		
40	01006077	Hà Minh Anh	26/10/2007	8.5		
41	02002620	Hà Nhã Anh	19/12/2007	7.0		
42	29016039	Hồ Đức Anh	16/11/2007	6.0		
43	04013275	Hồ Phước Anh	23/01/2007	8.0		1540
44	02046071	Hồ Quỳnh Anh	08/11/2007	7.5		
45	02011405	Hoàng Minh Anh	19/07/2007	6.5		
46	02046067	Hoàng Ngọc Anh	15/12/2007	6		
47	02016752	Hoàng Ngọc Lan Anh	05/03/2007	6.0		
48	02046068	Hoàng Nguyễn Minh Anh	04/09/2007	7.5		1390
49	42000891	Hoàng Thị Quỳnh Anh	02/02/2007	7		
50	02024193	Huỳnh Lê Đức Anh	29/10/2007	6.5		
51	02011413	Lâm Quỳnh Anh	17/06/2007	8.0		1490
52	48000859	Lê Lan Anh	05/03/2007	6.5		
53	02040071	Lê Nguyễn Hoàng Anh	30/08/2007	6		
54	02057836	Lê Nguyễn Hoàng Anh	02/11/2007	6.5		
55	02011419	Lê Như Anh	13/11/2007	6.0		
56	02096544	Lê Quỳnh Anh	30/01/2007	6.0		
57	02011422	Lữ Duy Anh	21/04/2007	7.5		1390
58	02057837	Lưu Ngọc Minh Anh	05/10/2007	7		
59	01081365	Mã Việt Anh	20/07/2007	7.5		1380
60	02004985	Nguyễn Đình Minh Anh	27/10/2007	6		
61	57001186	Nguyễn Hải Khánh Anh	04/12/2007	7.5		
62	02011427	Nguyễn Hoàng Anh	29/07/2007	6.5		
63	02046083	Nguyễn Hoàng Anh	26/11/2007	6.0		
64	29000052	Nguyễn Hoàng Anh	15/09/2007	6.5		
65	52004640	Nguyễn Hoàng Minh Anh	29/08/2007	6.5		
66	56005862	Nguyễn Hoàng Tú Anh	28/05/2007	6.5		
67	02002637	Nguyễn Hồng Anh	20/07/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
68	02046088	Nguyễn Minh Anh	11/08/2007	6.5		
69	02046091	Nguyễn Ngọc Hà Anh	21/07/2007	7		
70	02055457	Nguyễn Ngọc Lan Anh	09/03/2007	7.0		
71	02004990	Nguyễn Ngọc Minh Anh	29/10/2007	7.0		
72	55004414	Nguyễn Ngọc Phương Anh	03/07/2007	6.5		
73	02096547	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	13/02/2007	6.5		
74	02091796	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	16/10/2007	6		
75	44004338	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	08/01/2007	7.0		
76	55011252	Nguyễn Nguyên Anh	09/12/2007	7.0		
77	01015385	Nguyễn Nhật Anh	07/08/2007	7.0		1470
78	02004993	Nguyễn Phạm Minh Anh	02/08/2007	7.5		
79	02046094	Nguyễn Phan Minh Anh	10/12/2007	7		
80	02096548	Nguyễn Phước Nguyệt Anh	19/12/2007	6.0		
81	02002642	Nguyễn Phương Anh	30/07/2007	7		
82	02011433	Nguyễn Thành Anh	16/03/2007	7.5		1490
83	52000028	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/07/2007	7.5		
84	02058168	Nguyễn Trần Minh Anh	12/01/2007	6.5		
85	02016761	Nguyễn Trần Tuấn Anh	12/12/2007	6		
86	48001507	Nguyễn Trọng Anh	12/11/2007	6.5		
87	39009027	Phạm Hùng Đức Anh	19/04/2007	6.0		
88	02016762	Phạm Huỳnh Hoài Anh	23/02/2007	6.5		
89	17008169	Phạm Nguyễn Trâm Anh	15/03/2007	7.0		
90	02002650	Phạm Quỳnh Anh	01/02/2007	7.5		
91	02015439	Phạm Quỳnh Nhi Anh	11/09/2005	7		
92	02002652	Phan Huỳnh Minh Anh	01/10/2007	6.5		
93	02011438	Phan Trần Phương Anh	12/07/2007	7.0		1400
94	01098969	Tạ Thị Kiều Anh	26/11/2007	6.5		
95	02002654	Thời Lê Phương Anh	08/10/2007	7		
96	02052377	Trần Hồng Anh	04/03/2007	6.5		
97	02011445	Trần Hồng Đông Anh	20/07/2007	7.5		
98	02010329	Trần Ngọc Hoàng Anh	18/02/2007	6		
99	44004371	Trần Ngọc Phương Anh	10/01/2007	6.5		
100	02096552	Trần Nguyễn Ngọc Anh	30/01/2007	6		
101	42012708	Trần Tú Anh	18/09/2007	6.5		
102	02011448	Trần Tuệ Anh	26/06/2007	8		1520
103	02011450	Trương Đào Quốc Anh	07/06/2007	7.0		1430
104	02002661	Trương Quế Anh	18/08/2007	7		1350

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
105	61000024	Uông Hoàng Minh Anh	22/12/2007	6.5		
106	46000021	Võ Đăng Anh	12/06/2007	6.0		
107	45002660	Võ Đức Anh	04/04/2007	7.0		
108	02020728	Võ Dương Phương Anh	25/08/2007	6.5		
109	02063668	Võ Ngọc Lan Anh	12/01/2007	6.5		
110	44004379	Vũ Hoàng Ngọc Anh	09/12/2007	6.5		
111	01064454	Vũ Nguyễn Trang Anh	07/05/2007	6.5		
112	01015403	Đỗ Ngọc Minh Ánh	21/03/2007	7.0		
113	28002141	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/07/2007	6.0		
114	02000054	Phạm Thị Hồng Ánh	23/07/2007	6.5		
115	44004435	Hoàng Xuân Bắc	06/07/2007	6.0		
116	02011461	Đặng Hoàng Bách	02/09/2007	7.5		1560
117	02005496	Hoàng Công Bách	14/09/2007	7		
118	02063677	Nguyễn Gia Bách	12/09/2007	7.0		
119	01019325	Nguyễn Xuân Bách	07/12/2007	7.0		
120	04010435	Phan Đình Bách	01/04/2007	6.5		
121	02096567	Đỗ Thanh Trí Bằng	04/05/2007	6		
122	40020105	Trương Nhật Bằng	26/05/2007	6.5		
123	02048425	Nguyễn Đình Bằng	29/05/2007	7		
124	02011463	Đào Minh Bảo	28/06/2007	7.0		1340
125	48002572	Đình Nguyên Bảo	24/07/2007	6		
126	02011464	Khuru Gia Bảo	07/06/2007	7		
127	44001085	Lê Trường Bảo	17/12/2007	6.5		
128	47004799	Lý Đặng Gia Bảo	09/05/2007	7.0		
129	02011466	Mai Thiên Bảo	15/08/2007	6.0		
130	02012518	Nguyễn Gia Bảo	24/08/2007	6.5		
131	02020737	Nguyễn Gia Bảo	31/01/2007	6		
132	37016559	Nguyễn Gia Bảo	04/01/2007	6.0		
133	42012724	Nguyễn Gia Bảo	10/01/2007	6.0		
134	02002676	Nguyễn Minh Quốc Bảo	14/06/2007	6		
135	02046131	Nguyễn Nguyên Bảo	01/06/2007	7.0		
136	02005504	Nguyễn Thế Hoàng Bảo	15/10/2007	7.5		
137	04010439	Phạm Gia Bảo	02/06/2007	7.0		
138	02016782	Trần Dương Thiên Bảo	22/07/2007	7		
139	02096566	Trần Gia Bảo	14/07/2007	7		
140	01019329	Trần Phạm Gia Bảo	27/03/2007	7.5		1560
141	02020742	Trần Phạm Gia Bảo	04/12/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
142	03024039	Trương Nguyễn Gia Bảo	19/08/2007	7.0		
143	02097745	Vũ Trần Anh Bảo	28/02/2006	6		
144	02096569	Đoàn Xuân Bình	23/04/2007	6		
145	02005509	Phan Nhã Bình	04/12/2007	7.0		
146	02048430	Tô Gia Bình	02/09/2007	6.0		
147	02011471	Trần Khánh Bình	08/11/2007	7.5		1390
148	02055501	Trần Ngọc Gia Bình	22/04/2007	6.5		
149	02016784	Trần Thế Bình	16/07/2007	6.5		
150	55011276	Trần Huỳnh Ngọc Các	08/02/2007	6.5		
151	14001337	Lò Phương Cẩm	20/09/2007	6.5		
152	02002686	Nguyễn Hoàng Nguyên Cát	09/01/2007	6.5		
153	02011473	Đình Ngọc Bảo Châu	01/12/2007	6.0		
154	02005513	Đỗ Nguyễn Minh Châu	01/04/2007	7.5		
155	27004023	Hoàng Minh Châu	15/08/2007	6.5		
156	02015478	Huang Long Châu	27/09/2005	8.5		
157	50007593	Lê Nguyễn Minh Châu	05/09/2007	7		
158	02046144	Lê Thành Vĩnh Châu	20/08/2007	7		
159	02046145	Lương Ngọc Bảo Châu	24/08/2007	6.5		
160	02000734	Nguy Diệp Bảo Châu	17/06/2007	6.5		
161	63004709	Nguyễn Bảo Châu	24/11/2007	6.5		
162	02005515	Nguyễn Hà Minh Châu	23/01/2007	6.0		
163	01027595	Nguyễn Minh Châu	15/06/2007	6.5		
164	02002695	Nguyễn Ngọc Minh Châu	24/01/2007	7.0		
165	02055509	Nguyễn Trần Minh Châu	22/01/2007	7		
166	52000061	Phạm Minh Châu	07/09/2007	6.5		
167	02002697	Phan Nguyễn Ngọc Châu	18/08/2007	6.0		
168	02016165	Tăng Bảo Châu	09/12/2007	6.5		
169	02011475	Thân Trọng Minh Châu	02/04/2007	7.0		
170	51000814	Trần Quỳnh Châu	30/09/2006	6.5		
171	02048432	Võ Mai Bảo Châu	17/08/2007	7.5		
172	48003735	Võ Minh Châu	28/07/2007	7		1400
173	42000973	Lê Nguyễn Quỳnh Chi	20/04/2007	7.0		
174	02011478	Lương Khánh Chi	12/04/2007	6		
175	02011479	Lương Quỳnh Chi	08/09/2007	6.0		
176	36000034	Ngô Quế Chi	08/10/2007	6.5		
177	02057861	Ngô Tùng Chi	26/11/2007	7.0		
178	48003779	Nguyễn Đỗ Tùng Chi	25/10/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
179	04010458	Nguyễn Phan Quỳnh Chi	06/05/2007	6.5		
180	02057863	Trần Lâm Thảo Chi	04/11/2007	6.5		
181	33000111	Trương Nguyễn Bảo Chi	13/03/2007	7.5		
182	42000977	Trương Quỳnh Chi	16/07/2007	6.5		
183	02032234	Hồ Quyết Chiến	26/04/2007	7.5		
184	56010462	Nguyễn Ngọc Việt Chương	30/10/2007	7.5		
185	39009438	Nguyễn Tấn Nguyên Chương	13/12/2007	6.0		
186	02096577	Phạm Quốc Chương	18/01/2007	7.5		
187	02005521	Võ Minh Chương	09/07/2007	7.5		1430
188	37000058	Nguyễn Phú Cường	20/05/2007	6		
189	39009442	Nguyễn Thang Cường	27/10/2007	7.0		
190	02096582	Trần Tấn Cường	24/12/2007	7.5		
191	52000096	Đặng Quốc Đại	25/12/2007	7.0		
192	60000617	Trương Nguyên Đán	17/02/2007	6.0		
193	02011502	Dương Khải Đăng	19/09/2007	7.5		1410
194	47007764	Lê Khánh Đăng	06/03/2007	7.0		
195	37000083	Lê Minh Đăng	18/05/2007	6.5		
196	36000072	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2007	7.0		
197	02046173	Nguyễn Hoàng Minh Đăng	10/12/2007	7.5		
198	02052495	Đỗ Nguyễn Thanh Danh	12/02/2007	6.5		
199	02016810	Phan Cao Danh	20/03/2007	7.0		
200	02091456	Nguyễn Ngọc Anh Đào	01/10/2007	6		
201	02011500	Bùi Phát Đạt	04/05/2007	6.5		
202	29003586	Đặng Tiến Đạt	25/05/2007	7.5		1510
203	02046165	Dương Trọng Đạt	09/02/2007	6		
204	02000120	Nguyễn Gia Đạt	31/05/2007	6.5		
205	36000517	Nguyễn Tấn Đạt	26/09/2007	6.5		
206	02091856	Nguyễn Tiến Đạt	12/10/2007	6		
207	41008852	Nguyễn Tuấn Đạt	09/03/2007	6.0		
208	47007759	Phạm Quang Đạt	28/08/2007	6.5		
209	35003490	Trần Như Tấn Đạt	29/09/2007	6.0		
210	37000080	Trần Quý Đạt	27/06/2007	6		
211	02012592	Trương Minh Tuấn Đạt	19/10/2007	6		
212	56011000	Từ Phước Đạt	11/03/2007	6.5		
213	02046148	Trần Ngọc Diễm	23/04/2007	6.5		
214	57001264	Hồ Khánh Điền	30/06/2007	7.0		
215	02035041	Lư Gia Điền	14/01/2006	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
216	02002706	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	18/12/2007	6.5		
217	02000750	Phan Lê Bách Diệp	18/12/2007	6.5		
218	02002708	Trần Ngọc Diệp	23/12/2007	6.5		
219	02011505	Lê Bá Khánh Đoan	10/01/2007	6.5		
220	02091859	Trần Nhật Khánh Đoan	29/08/2007	6.5		
221	02080954	Ngô Khả Doanh	27/03/2007	7		
222	02002710	Nguyễn Cát Hải Du	04/11/2007	6		
223	02048457	Đỗ Minh Đức	22/03/2007	7.0		
224	02057921	Lê Huy Đức	06/01/2007	6.5		
225	01027630	Lê Ngọc Đức	04/10/2006	6.5		
226	02091862	Lê Quang Anh Đức	19/12/2007	7		
227	02041291	Nguyễn Anh Đức	11/12/2007	7.0		
228	41008864	Nguyễn Anh Đức	16/10/2007	7.0		
229	04010496	Nguyễn Phúc Đức	31/08/2007	6.0		
230	01018825	Nguyễn Quý Đức	29/08/2007	6.5		
231	02091865	Nguyễn Sỹ Đức	15/05/2007	7.0		
232	57001273	Tăng Phúc Đức	09/08/2007	6.0		
233	39009095	Trần Việt Đức	03/09/2006	6.5		
234	01003220	Võ Minh Đức	27/11/2007	8.0		
235	53009479	Vũ Nguyên Đức	10/07/2007	6.5		
236	02048462	Vũ Văn Đức	20/11/2007	6.5		
237	02080960	Trần Lê Ánh Dung	05/11/2007	6.0		
238	35003441	Đình Trí Dũng	30/03/2007	7.0		
239	29003564	Hoàng Anh Dũng	04/04/2007	6.0		
240	02011488	Lê Hùng Dũng	01/01/2007	6.5		
241	52000086	Lương Anh Dũng	01/01/2007	7.0		
242	02096601	Nguyễn Anh Dũng	08/10/2007	6.5		
243	52000088	Nguyễn Tuấn Dũng	24/06/2007	6.0		
244	02055520	Phạm Minh Dũng	23/12/2007	7.0		
245	48004948	Võ Tiến Dũng	10/12/2007	7.5		
246	02011493	Hoàng Vũ Thùy Dương	23/03/2007	8.0		1500
247	50017401	Huỳnh Lê Hải Dương	15/12/2004	8		1350
248	02011494	Lê Nguyễn Thùy Dương	05/09/2007	7		
249	44004550	Nghiêm Trần Thùy Dương	15/05/2007	6		
250	02011495	Nguyễn Ánh Dương	07/05/2007	7		
251	57001246	Nguyễn Ngọc Khánh Dương	14/11/2007	6		
252	02096621	Nguyễn Phạm Thùy Dương	04/12/2007	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
253	02011497	Nguyễn Võ Ánh Dương	25/03/2007	7.5		
254	42001024	Phạm Thái Dương	29/09/2007	7.0		
255	02091849	Phan Ánh Dương	03/03/2007	6.0		
256	02002727	Phan Thùy Dương	06/06/2007	8		1510
257	38003146	Cao Uyên Duy	06/12/2007	6		
258	04010475	Lê Hoàng Duy	03/04/2007	6.5		
259	40020174	Nguyễn Duy	27/12/2007	6.0		
260	02005534	Nguyễn Khả Duy	21/09/2007	7.0		
261	41008819	Nguyễn Minh Duy	09/09/2007	6.0		
262	04010477	Phan Nhật Duy	30/06/2007	6.5		
263	02096617	Võ Minh Duy	11/05/2007	7.0		
264	56010475	Nguyễn Trịnh Quang Duy	22/11/2007	6.5		
265	02096618	Lê Thị Hồng Duyên	09/05/2007	7		
266	48005322	Nguyễn Đăng Kỳ Duyên	22/10/2007	6.0		
267	52008680	Nguyễn Đình Ngọc Duyên	05/05/2007	7.5		
268	55007613	Nguyễn Hồng Kỳ Duyên	07/10/2007	7.0		
269	02080969	Nguyễn Lê Duyên	23/09/2007	6.0		
270	02057893	Tôn Nữ Mỹ Duyên	18/10/2007	6.5		
271	37000066	Võ Hồng Bích Duyên	28/03/2007	6.5		1360
272	02005554	Đặng Trường Giang	07/11/2007	7.0		
273	29009208	Hồ Thảo An Giang	01/09/2007	6.0		
274	01019373	Hoàng Hương Giang	18/09/2007	8.0		1540
275	42005550	Nguyễn Ngô Trà Giang	28/09/2007	6.0		
276	02063740	Nguyễn Thị Thu Giang	14/06/2007	6.5		
277	02002740	Trần Nguyễn Trường Giang	17/02/2007	6.0		
278	02096644	Vũ Hương Giang	26/01/2007	7		
279	44004601	Hồ Nguyễn Huỳnh Giao	31/08/2007	6.5		
280	02046180	Phan Văn Giàu	27/03/2007	6.5		
281	02002741	Lê Trần Hoàng Hà	30/08/2007	7		
282	52000124	Nguyễn Duyên Hà	22/08/2007	6.5		
283	02011515	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	31/10/2007	6.5		
284	02011516	Nguyễn Nhật Hà	20/09/2007	7		
285	38001339	Nguyễn Thị Ngọc Hà	03/04/2007	6.5		
286	42012807	Nguyễn Thị Ngọc Hà	25/04/2007	6.0		
287	38000161	Nguyễn Thị Nhật Hà	16/01/2007	6.5		
288	02046184	Phan Lưu Thanh Hà	29/05/2007	7.0		
289	02046185	Phan Nguyễn Thanh Hà	17/08/2007	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
290	02048466	Vũ Nam Hà	09/12/2007	6.0		
291	02011519	Lâm Nghị Hải	25/04/2007			1430
292	02057937	Lê Hoàng Hải	22/07/2007	7.5		
293	02096648	Lê Thanh Hải	11/12/2007	7.5		
294	04013333	Phan Trí Hải	24/04/2007	8		1530
295	52008731	Trần Nam Hải	30/01/2007	6.5		1520
296	02011520	Vương Hiền Nguyên Hải	10/08/2007	7		1350
297	42001113	Dương Hoàng Bảo Hân	04/09/2007	6.0		
298	02096652	Dương Ngọc Hân	28/02/2007	6		
299	40020259	Huỳnh Minh Hân	18/11/2007	6.5		
300	37001475	Huỳnh Nguyễn Ngọc Hân	15/01/2007	6.0		
301	57001288	Lâm Ngọc Hân	31/10/2007	7.5		
302	02057949	Lê Ngọc Bảo Hân	17/09/2007	6.5		
303	04013340	Lê Nguyễn Gia Hân	09/11/2007	7.0		
304	02051636	Lê Thị Ngọc Hân	31/03/2007	6.0		
305	02016208	Lương Gia Hân	10/09/2007	7.0		
306	02011528	Lương Khả Hân	20/02/2007	6		
307	02000151	Lý Gia Hân	24/08/2007	6.5		
308	48008294	Ngô Gia Hân	06/08/2007	7.0		
309	40020264	Nguyễn Gia Hân	29/01/2007	7.5		
310	02011531	Nguyễn Ngọc Minh Hân	27/04/2007	8		
311	41007685	Nguyễn Ngọc Xuân Hân	28/03/2007	6.5		
312	38000180	Nguyễn Nguyên Gia Hân	13/02/2007	6.5		
313	37000111	Nguyễn Thái Gia Hân	09/12/2007	6.0		
314	02046202	Nguyễn Thị Ngọc Hân	18/05/2007	6.0		
315	02000154	Nguyễn Trần Gia Hân	21/06/2007	6.5		
316	55011342	Nguyễn Trần Gia Hân	24/04/2007	8.0		
317	02016217	Phạm Gia Hân	21/11/2007	6.5		
318	56004679	Phạm Huỳnh Gia Hân	26/10/2007	6.5		
319	02011534	Phạm Ý Hân	07/03/2007	7.5		
320	02091886	Trần Gia Hân	02/06/2007	6.0		
321	53009505	Trương Gia Hân	16/09/2007	7.0		
322	02005577	Võ Gia Hân	20/12/2007	6.5		
323	02011536	Võ Lê Gia Hân	22/01/2007	7.0		1490
324	02057953	Vương Ngọc Hân	18/08/2007	6.0		
325	48007984	Đỗ Thị Thanh Hằng	17/09/2007	6.5		
326	35003531	Lê Diễm Hằng	23/09/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
327	50007670	Võ Nguyễn Phước Hằng	24/11/2007	7		
328	02048471	Trần Nguyên Hanh	16/11/2007	6.0		
329	02081008	Huỳnh Thị Hiếu Hạnh	30/01/2007	7.0		
330	41008887	Nguyễn Anh Hào	03/08/2007	6.0		
331	39009472	Nguyễn Nhật Hào	03/12/2007	6.0		
332	42001105	Nguyễn Nhật Hào	29/04/2007	6.5		
333	02096650	Võ Phú Hào	16/12/2007	6		
334	02002770	Tăng Trí Hiến	04/08/2007	6		
335	53004075	Lê Nguyễn Thanh Hiền	27/12/2007	6.5		
336	41008916	Trần Bá Hiến	27/01/2007	7.0		
337	02057958	Võ Nguyễn Minh Hiền	27/02/2007	7		1420
338	02000164	Huỳnh Châu Bách Hiệp	15/03/2006	7		
339	29003634	Phạm Hoàng Hiệp	11/06/2007	6.5		
340	44004667	Huỳnh Trung Hiếu	26/02/2007	6		
341	40019544	Lê Minh Hiếu	08/09/2007	7.0		
342	02002772	Lê Quốc Hiếu	03/08/2007	6		
343	02002773	Lê Thanh Hiếu	22/11/2007	6		
344	02010402	Nguyễn Công Hiếu	22/05/2007	7.0		
345	52000144	Nguyễn Minh Hiếu	03/05/2007	6.0		
346	55011352	Nguyễn Trần Trung Hiếu	09/07/2007	6.5		
347	02011539	Ninh Duy Hiếu	01/03/2007	7		
348	53010887	Phạm Thị Kim Hiếu	30/11/2007	6.5		
349	42000214	Phan Trung Hiếu	15/10/2007	6.0		
350	01000143	Trần Minh Hiếu	05/11/2007	6.5		
351	02097801	Phạm Đình Trần Hiệu	08/10/2005	6.5		
352	35000099	Vương Quốc Hiệu	20/02/2006	6.0		
353	02000820	Nguyễn Huỳnh Hoa	10/01/2007	7		
354	29000390	Nguyễn Khánh Hòa	19/06/2007	7.0		
355	02081034	Đặng Phúc Kim Hoàn	02/10/2007	7.5		
356	52004756	Đình Phú Hoàng	17/01/2007	7.5		
357	52002495	Đỗ Minh Hoàng	30/06/2007	6.0		
358	02005587	Đồng Minh Hoàng	10/02/2007	6		
359	02011545	Lê Hoàng	09/08/2007	8		1470
360	44001244	Nguyễn Hữu Hoàng	18/03/2007	7.5		
361	02057966	Nguyễn Huy Hoàng	24/09/2007	6.5		
362	53009518	Nguyễn Huy Hoàng	26/03/2007	6.5		
363	51000912	Nguyễn Văn Thái Hoàng	23/02/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
364	47000261	Tô Quốc Hoàng	04/01/2007	6.5		
365	40022243	Trần Huy Hoàng	25/10/2006	6.0		
366	30005401	Trần Nhật Hoàng	16/01/2007	6.5		
367	37000138	Võ Bá Hoàng	12/07/2005	6		
368	02081042	Vũ Hoàng	23/09/2006	7		
369	48010117	Vũ Gia Hoàng	14/08/2007	7.0		
370	53009519	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	01/10/2007	7		
371	02096671	Dương Gia Huân	17/05/2007	7		
372	02011549	Dương Nhật Huân	17/04/2007	8		1580
373	01019635	Dương Quốc Hùng	31/10/2007	6.5		
374	44004707	Lê Minh Hùng	26/02/2007	6		
375	04013361	Lê Quốc Hùng	08/07/2007	7.0		
376	02011554	Nguyễn Vũ Duy Hùng	12/06/2007	8		1550
377	02011555	Trương Anh Hùng	19/04/2007	7		
378	01027675	Bạch Huy Hưng	28/04/2007	7.0		
379	46000221	Đỗ Đăng Gia Hưng	16/07/2007	6.0		
380	02011569	Dương Quốc Hưng	11/07/2007	7		1350
381	61000166	Lê Chánh Hưng	22/04/2007	7.0		
382	02011570	Mạch Đình Quốc Hưng	19/07/2007	6		
383	02046912	Nguyễn Duy Hưng	09/08/2007	7.0		
384	37000159	Nguyễn Gia Hưng	10/10/2007	6.0		
385	48011686	Nguyễn Phú Hưng	13/02/2007	7.0		
386	64002089	Nguyễn Phúc Hưng	03/06/2007	6.5		
387	02046913	Nguyễn Tấn Hưng	10/06/2007	6.0		
388	44004745	Phạm Khánh Hưng	01/12/2007	6.5		
389	51000939	Trần Phạm Gia Hưng	21/11/2007	6.5		
390	02002797	Trương Duy Hưng	03/01/2007	6		
391	02055032	Bùi Lan Hương	23/10/2007	6.0		
392	02011573	Dương Vân Hương	09/05/2007	7.0		
393	02096714	Hà Phan Quỳnh Hương	28/01/2007	6.5		
394	02011574	Hà Quỳnh Hương	01/03/2007	7.5		
395	02096716	Lê Minh Hương	06/09/2007	6		
396	48011934	Nguyễn Mai Hương	15/08/2007	6.0		
397	02055615	Nguyễn Minh Giáng Hương	20/06/2007	6		
398	02081066	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	26/08/2006	6.0		
399	02002802	Phạm Quỳnh Hương	23/08/2007	7.0		
400	55007694	Bùi Quang Huy	11/05/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
401	56008692	Cao Nhật Huy	21/10/2007	7.5		
402	02081048	Đặng Văn Huy	07/06/2005			1350
403	02046903	Đỗ Quang Huy	10/11/2007	7		1430
404	35003587	Đoàn Tú Huy	03/01/2007	7.5		
405	02036125	Hồ Quốc Huy	29/09/2007	7.0		
406	40020348	Hoàng Đình Huy	08/08/2007	7.5		
407	02067483	Huỳnh Đức Huy	30/08/2007	6.5		
408	61000144	Lê Gia Huy	17/10/2007	6.5		
409	02070181	Lê Nguyễn Anh Huy	27/02/2007	6		
410	41008970	Lê Nguyễn Tuấn Huy	26/03/2007	7.5		
411	02096679	Nguyễn An Huy	29/07/2007	7		
412	02002787	Nguyễn Dương Đăng Huy	03/01/2007	6.5		
413	40020362	Nguyễn Hoàng Bảo Huy	19/02/2007	7.0		
414	37000153	Nguyễn Hoàng Gia Huy	08/07/2007	7.5		
415	02057983	Nguyễn Minh Huy	07/09/2007	6.5		
416	32001119	Nguyễn Minh Huy	12/05/2007	6		
417	04002373	Nguyễn Trần Quang Huy	05/06/2006	6.0		
418	48011040	Nguyễn Trần Quang Huy	18/01/2007	7.5		
419	48011102	Phạm Quốc Huy	18/03/2007	6		
420	02002789	Phạm Trần Gia Huy	21/08/2007	6.5		
421	04013365	Phan Đức Huy	01/08/2007	7.5		
422	59000113	Quách Gia Huy	28/04/2007	6.5		
423	51000928	Trần Lê Xuân Huy	28/05/2007	6.0		
424	02046911	Trần Mai Quốc Huy	12/11/2007	7.0		
425	02005604	Võ Phước Đức Huy	07/12/2007	6.5		
426	56010543	Võ Tường Huy	14/11/2007	6.5		
427	02020847	Đình Đức Huyền	23/05/2007	7.5		1500
428	02000196	Lê Hoàng Nhật Huyền	09/11/2007	6.0		
429	02096695	Lê Uyên Huyền	07/01/2007	6.0		
430	02011566	Nguyễn Trần Minh Huyền	06/03/2007	7.0		
431	63000645	Đặng Thái Huyền	05/06/2007	7.0		
432	03024166	Đoàn Ngọc Huyền	12/10/2007	7.0		
433	41007732	Nguyễn Lê Khánh Huyền	14/10/2007	6.5		
434	02002793	Nguyễn Ngọc Khánh Huyền	28/03/2007	7.5		
435	52000173	Nguyễn Phan Thương Huyền	18/01/2007	7.5		
436	53009534	Nguyễn Huỳnh	12/10/2007	6.0		
437	02002794	Nguyễn Phúc Huỳnh	28/03/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
438	02011568	Trần Nguyễn Mai Huỳnh	09/12/2007	7		
439	02000205	Nguyễn Đoàn Gia Hy	02/12/2007	7		
440	02005616	Phạm Gia Hy	29/09/2007	6.5		
441	02011577	Trương Nhật Bảo Hy	21/12/2007	7.5		1530
442	02092008	Nguyễn Minh Kha	18/09/2007	6.5		
443	47007846	Nguyễn Quang Khải	24/07/2007	6.0		
444	04002397	Phạm Huy Khải	08/11/2007	6.0		
445	52000189	Phạm Tuấn Khải	05/10/2007	6.0		
446	02002807	Trần Quốc Khải	21/05/2007	7		
447	49007272	Đặng Nguyên Khang	18/09/2007	6		
448	53008178	Đào Bảo Minh Khang	28/12/2007	6.5		
449	02002808	Diệp Quốc Khang	24/01/2007	7		
450	48012227	Đình Bá Bảo Khang	19/11/2007	6.0		
451	02032869	Hồ Minh Khang	31/08/2007	6.5		
452	02092012	Hoàng Minh Khang	19/11/2007	6.5		
453	02096722	Huỳnh Thế Gia Khang	04/10/2007	6		
454	02016369	Huỳnh Triều Khang	03/06/2007	6.5		
455	02016371	Kim Hoàng Khang	28/03/2007	7.0		
456	53010173	Lê Nhật Khang	25/02/2007	6.5		
457	02058009	Mai Phúc Khang	01/08/2007	7.5		
458	02011583	Ngô Bảo Khang	10/04/2007	6.5		
459	02011584	Nguyễn Khang	07/05/2007	7.0		
460	44004772	Nguyễn Hữu Bảo Khang	13/10/2007	6.5		
461	02011585	Nguyễn Minh Khang	13/02/2007	7.0		
462	02058012	Nguyễn Ngọc Nguyên Khang	06/03/2007	7		
463	02011587	Nguyễn Phúc An Khang	06/06/2007	8.0		1420
464	02011588	Phạm Triều Khang	02/10/2007	8		1570
465	02011589	Phan Nhật Khang	24/02/2007	7.0		
466	02020860	Phan Vĩnh Khang	18/12/2007	8		1520
467	02011590	Trần Lâm Bảo Khang	07/01/2007	6.5		
468	04010569	Bùi Mai Hồng Khanh	17/11/2007	7		
469	48012547	Bùi Thị Ngọc Khanh	25/03/2007	6.0		
470	02058016	Đình Ngọc Đan Khanh	09/01/2007	6.0		
471	54003030	Hồ Phương Khanh	25/11/2007	6.0		
472	02015640	Lê Ngọc Bảo Khanh	01/07/2002	6.5		1470
473	02046235	Nguyễn Minh Khanh	18/01/2007	6.5		
474	02011597	Phan Mai Khanh	10/11/2007	8		1410

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
475	02041599	Đoàn Vinh Khánh	18/02/2007	7.5		1420
476	44004783	Lâm Ngọc Khánh	05/11/2007	6.0		
477	02020867	Lê Nam Khánh	01/06/2007	7.5		
478	42008598	Nguyễn Phan Nhật Khánh	11/01/2007	6.0		
479	44004789	Phạm Nhật Khánh	26/07/2007	7.5		
480	44001290	Huỳnh Gia Khiêm	29/04/2007	8.5		1450
481	02011601	Nguyễn Tường Minh Khiêm	01/03/2007	7		
482	47007869	Lại Ngọc Minh Khoa	19/01/2007	6.0		
483	02015651	Lê Bảo Đăng Khoa	15/02/2006	6.5		1370
484	02002833	Nguyễn Đăng Khoa	25/01/2007	7.5		
485	02096735	Nguyễn Lê Minh Khoa	03/09/2007	6.5		
486	02011605	Nguyễn Minh Khoa	24/12/2007	7.0		1440
487	02011606	Trần Bảo Đăng Khoa	20/10/2007	7		
488	02055662	Trần Hữu Khoa	22/09/2007	6.5		
489	57001372	Trần Nhật Khoa	06/11/2007	7.5		
490	02010471	Trần Võ Đăng Khoa	20/02/2007	8		1510
491	02011608	Bùi Nguyễn Minh Khôi	20/04/2007	6		
492	02002843	Lê Anh Khôi	21/12/2007	6		
493	30010702	Lê Công Khôi	19/12/2007	6.5		
494	02096748	Lê Duy Khôi	11/01/2007	6.5		
495	02005653	Lê Tự Nguyên Khôi	23/04/2007	7.0		
496	02046941	Nguyễn Đăng Khôi	25/11/2007	8.0		
497	02012737	Nguyễn Đình Khôi	09/12/2007	6.5		
498	02011612	Nguyễn Đức Bảo Khôi	07/10/2007	8.5		1560
499	02011611	Nguyễn Duy Bảo Khôi	14/10/2007	7		
500	47003898	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	08/05/2007	6.0		
501	02005655	Nguyễn Minh Khôi	24/11/2007	6.0		
502	39006650	Nguyễn Minh Khôi	08/01/2007	7.5		
503	35003669	Nguyễn Trần Bảo Khôi	09/03/2007	6.0		
504	02097852	Phạm Đăng Khôi	07/10/2006	6.0		
505	41007773	Phạm Hoàng Đăng Khôi	19/08/2007	6.5		
506	02011614	Phan Lê Minh Khôi	27/04/2007	7.0		
507	02011615	Phan Minh Khôi	13/05/2007	8		1520
508	02092034	Trương Đăng Khôi	06/11/2007	6.5		
509	02035187	Võ Hoàng Khôi	17/05/2006	7		
510	02096760	Đặng Minh Khuê	29/09/2007	7.5		
511	02055670	Dương Minh Khuê	29/12/2007	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
512	02081096	Ngô Xuân Thụy Khuê	01/07/2006	6.5		
513	02011617	Nguyễn Kim Khuê	16/11/2007	7		1360
514	55011409	Nguyễn Lê Minh Khuê	22/11/2007	6.0		
515	02010905	Nguyễn Lưu Khuê	20/05/2007	8.0		1380
516	04010592	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	21/05/2007	6.5		
517	02097853	Phạm Bích Khuê	01/01/2006	7.5		
518	04013399	Phạm Như Khuê	16/11/2007	7.5		1440
519	02058038	Trần Ngọc Minh Khuê	10/04/2007	7.0		
520	02096761	Trần Ngọc Minh Khuê	26/10/2007	6.0		
521	02058039	Trương Minh Khuê	17/08/2007	7.5		
522	40020466	Lê Văn Khương	09/08/2007	7.0		
523	54003056	Trương Phúc Khương	01/01/2007	7.0		
524	02005665	Nguyễn Nam Kiên	06/06/2007	7.0		
525	02002852	Tổng Trí Kiên	09/06/2007	6.5		
526	38003269	Trần Hoàng Kiên	17/02/2007	6.5		
527	37000197	Đặng Gia Kiệt	04/01/2007	7.0		
528	42009788	Lê Quang Tuấn Kiệt	10/03/2007	6.5		
529	41007782	Lê Tuấn Kiệt	05/07/2007	6.0		
530	04010598	Phạm Anh Kiệt	09/09/2007	6.0		
531	02063844	Trần Tuấn Kiệt	15/04/2007	7.0		
532	50013421	Võ Anh Kiệt	19/05/2007	6.5		
533	02035196	Võ Tuấn Kiệt	23/06/2006	6.5		1370
534	44004803	Đỗ Châu Thiên Kim	07/09/2007	6.0		
535	02096774	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	20/04/2007	7		
536	02010911	Trần Ngọc Thiên Kim	03/06/2007	6		
537	02096777	Ngô Vĩ Kỳ	26/07/2007	6.5		
538	53009588	Phan Mỹ Kỳ	08/03/2007	7.0		
539	02044460	Trần Khả Kỳ	05/05/2007	6.0		
540	02035767	Trần Minh Kỳ	31/07/2006	6.5		
541	02020901	Hồng Khương Nhật Lam	06/08/2007	6.0		
542	02046264	Ngô Hồng Lam	13/07/2007	6.0		
543	02096782	Nguyễn Hoài Trúc Lam	08/02/2007	6.5		
544	02003986	Nguyễn Phúc Hải Lam	01/05/2007	6.0		
545	02051115	Phan Thiên Lam	11/12/2007	6.0		
546	02055691	Chu Thế Lâm	14/03/2007	7.5		
547	01019476	Nguyễn Ngọc Lâm	11/11/2007	8.0		
548	48014435	Nguyễn Sơn Lâm	02/12/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
549	02064400	Phạm Bảo Lâm	09/11/2007	6		
550	42001279	Nguyễn Hương Lan	22/12/2007	6		
551	02051697	Phạm Ngọc Lan	14/09/2007	6.0		
552	50005931	Võ Xuân Lan	30/08/2007	7.0		
553	02010924	Nguyễn Hoàng Lâm	26/09/2007	7.0		1390
554	02058057	Trần Hoàng Thanh Liêm	26/05/2007	6.0		
555	02096141	Lê Nguyễn Hoàng Liên	10/06/2007	8.0		
556	01064580	Đặng Phương Linh	09/12/2007	8		
557	29003698	Đâu Ngọc Linh	18/01/2007	6.5		
558	02048635	Điệp Vũ Như Linh	26/03/2007	6		
559	02040362	Đỗ Ngọc Tường Linh	17/11/2007	6.0		
560	02002864	Hồ Ngọc Thúy Linh	16/01/2007	6.5		
561	38000313	Hồ Vũ Việt Linh	09/02/2007	6.5		
562	02020910	Huỳnh Võ Khánh Linh	13/04/2007	6.5		
563	35003702	Lê Nữ Phương Linh	22/01/2007	6.5		
564	02070242	Lê Thị Khánh Linh	03/06/2007	7.0		
565	52000911	Lê Võ Ngọc Linh	25/01/2007	6.5		
566	61000247	Lý Nguyễn Tú Linh	09/10/2007	6.5		
567	02002868	Mai Xuân Cát Linh	05/11/2007	7.5		
568	02058067	Nguyễn Bùi Phương Linh	10/02/2007	6.5		
569	37000126	Nguyễn Hoàng Phương Linh	15/06/2007	6.5		
570	50007811	Nguyễn Khánh Linh	29/04/2007			1340
571	52004172	Nguyễn Khánh Linh	21/05/2007	6.5		
572	02046280	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	14/05/2007	6.5		
573	37000217	Nguyễn Ngọc Mai Linh	20/08/2007	6.0		
574	02046283	Nguyễn Vũ Diệu Linh	12/07/2007			1380
575	02064409	Phạm Trần Khánh Linh	26/03/2007	6.5		
576	44004816	Phạm Vũ Khánh Linh	31/05/2007	7.0		
577	02092054	Phan Trần Tích Linh	22/02/2007	7.5		
578	48015304	Tăng Huyền Bảo Linh	02/11/2007	6.5		
579	52000233	Tổng Phương Linh	12/08/2007	6.5		
580	02016960	Trần Khánh Linh	24/12/2007	6.0		
581	02055102	Trần Mai Phương Linh	03/12/2007	6.5		
582	02092055	Trần Ngọc Linh	06/11/2007	7.5		
583	52004855	Trần Phạm Thảo Linh	30/11/2007	6.5		
584	02011656	Trần Thùy Linh	23/01/2007	7		
585	38003720	Đặng Hoàng Tiên Lộc	09/07/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
586	41007807	Nguyễn Đức Bá Lộc	30/03/2007	7.5		
587	02046300	Nguyễn Nguyên Lộc	01/11/2007	6.0		
588	02011666	Nguyễn Tiến Lộc	31/01/2007	7.5		1470
589	02002883	Nguyễn Trần Thiên Lộc	13/01/2007	7.0		
590	39009551	Nguyễn Vũ Đình Lộc	16/05/2007	6.0		
591	29024884	Nguyễn Xuân Lộc	06/03/2007	6.0		
592	02096819	Phạm Đỗ Thiên Lộc	04/01/2007	7.0		
593	02096810	Dương Chí Long	29/11/2007	7.5		
594	02000261	Lê Hoàng Long	10/02/1998	7.5		
595	02046293	Lý Hiền Long	15/06/2007	6.5		
596	02055703	Ngô Văn Long	21/11/2007	6		
597	02013332	Nguyễn Hiền Long	28/04/2007	7		
598	44004825	Nguyễn Hoàng Long	09/02/2007	6.5		
599	45002870	Nguyễn Việt Long	08/07/2007	7.5		
600	02002879	Phạm Minh Long	05/04/2007	7.0		
601	02096824	Bùi Minh Luân	14/05/2007	6.5		
602	39009553	Dương Văn Thành Luân	11/12/2007	8.0		
603	02011671	Ngô Kiệt Luân	09/08/2007	7		
604	02005694	Phạm Đình Luân	27/07/2007	6.5		
605	37000241	Nguyễn Hoàng Lưu Ly	20/01/2007	6.5		
606	03010121	Đặng Thanh Mai	20/01/2007	7.0		
607	02005183	Lê Trần Xuân Mai	27/11/2007	7.0		
608	02058097	Nguyễn Ngọc Mai	30/01/2007	6.5		
609	55007827	Nguyễn Phương Mai	25/09/2007	7.5		
610	02011680	Nguyễn Quỳnh Mai	01/09/2007	7.5		1390
611	02096837	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/04/2007	6.5		
612	02046312	Nguyễn Trần Vũ Thanh Mai	07/07/2007	6.5		
613	02011682	Phan Ngô Quỳnh Mai	24/02/2007	6.5		
614	04004784	Trần Thụy Xuân Mai	03/10/2007	6.5		
615	42001341	Trần Xuân Mai	20/09/2007	7.5		1480
616	47007916	Nguyễn Vũ Triệu Mẫn	24/01/2007	6.0		
617	02011689	Phạm Tú Mẫn	16/02/2007	7.5		1530
618	02040397	Biện Thị Phương Mi	05/12/2007	7.5		
619	52004205	Bùi Công Minh	26/07/2007	6.5		
620	55011439	Châu Ngọc Khánh Minh	20/10/2007	7		
621	02006167	Châu Tự Minh	25/12/2007	6.0		
622	53009619	Đỗ Cao Minh	27/04/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
623	01019587	Hà Bảo Minh	23/11/2007	8		1520
624	02006168	Hà Lê Minh	05/12/2007	6.5		
625	01027723	Hoàng Bình Minh	31/12/2007	7.0		
626	02015718	Huỳnh Ngọc Quang Minh	29/06/2006	6.5		
627	02011694	Lê Quang Tiến Minh	11/10/2007	8.0		1340
628	02096853	Lê Thiện Minh	20/11/2007	6.5		
629	17015963	Ngô Thị Thư Minh	05/05/2007	6.5		
630	01027731	Nguyễn Đức Minh	09/01/2007	6.5		
631	42013507	Nguyễn Gia Minh	27/11/2007	7.0		
632	02081162	Nguyễn Hoàng Phúc Minh	03/02/2007	7.0		
633	02011705	Nguyễn Khả Minh	22/12/2007	6.0		
634	50007835	Nguyễn Ngọc Minh	23/08/2007	6.5		
635	02015722	Nguyễn Nhật Minh	02/06/2006	8.0		1470
636	02016502	Nguyễn Nhật Minh	29/05/2007	6.0		
637	51008990	Nguyễn Phú Duy Minh	15/08/2007	7.0		
638	01027306	Nguyễn Quang Minh	21/05/2006	7.0		
639	53008274	Nguyễn Thoại Bảo Minh	28/06/2007	6.0		
640	02011709	Nguyễn Trần Gia Minh	11/11/2007	6.5		
641	03024264	Nguyễn Trần Hồng Minh	14/02/2007	6.5		1450
642	28034230	Phạm Hùng Quang Minh	24/08/2007	6		
643	02002910	Phạm Nhất Minh	07/11/2007	7.5		1450
644	02010947	Phạm Thái Tuệ Minh	21/04/2007	6		
645	34013562	Phan Thị Ngọc Minh	11/04/2007	7.0		1510
646	02048685	Tạ Hồng Minh	08/03/2007	6		
647	01027742	Trần Bùi Quang Minh	17/09/2007	6.5		
648	02096868	Trần Thị Nguyệt Minh	31/01/2007	7		
649	02010952	Trương Nguyệt Minh	12/04/2007	8.0		1490
650	35003748	Võ Châu Hải Minh	09/05/2007	7.5		
651	02006176	Võ Nguyễn Uyên Minh	24/10/2007	7		
652	02081170	Võ Phan Nhật Minh	14/12/2006	6.5		
653	02006177	Võ Quang Minh	27/02/2007	6.0		
654	02046333	Vũ Nhật Minh	25/01/2007	6.5		
655	41009135	Vũ Như Hoàng Minh	19/11/2007	7.0		
656	02010954	Vương Bảo Minh	24/12/2007	6.5		
657	02010955	Đỗ Khải My	28/04/2007	8		
658	02096872	Hồ Triều My	18/01/2007	7.5		1340
659	02046337	Nguyễn Hà My	05/04/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
660	41001525	Nguyễn Kiều My	04/11/2007	7.5		
661	35003755	Nguyễn Phương Hà My	19/05/2007	7.0		
662	40020582	Nguyễn Thị Giáng My	27/11/2007	7.0		
663	02016510	Trần Lê Trà My	08/10/2007	6.5		
664	55012734	Nguyễn Tuệ Mỹ	01/05/2007	8.0		
665	02064426	Chu Nguyễn Lê Na	17/04/2007	6.0		
666	02005702	Lê Nguyễn Mi Na	14/09/2007	8.0		
667	02020949	Hoàng Công Nam	19/11/2007	6.0		
668	02048699	Lê Vũ Hải Nam	01/09/2007	7.5		
669	36000674	Nguyễn Cảnh Nam	08/02/2007	6.5		
670	02020305	Nguyễn Hoàng Nam	28/05/2007	6.5		
671	44004839	Phạm Nguyễn Hoài Nam	05/08/2007	6.0		
672	19000488	Phan Hải Nam	28/01/2007		91	
673	01098095	Trịnh Phương Nam	19/08/2006	6.5		
674	48018043	Trương Hà Thanh Nam	13/03/2007	6.5		
675	58003214	Mai Huỳnh Nga	01/05/2007	6.0		
676	04013452	Trần Nguyễn Thanh Nga	25/03/2007	6.5		
677	02096900	Đỗ Hà Kim Ngân	03/09/2007	7		
678	01000994	Đỗ Quỳnh Ngân	24/07/2006	7.0		
679	02064433	Huỳnh Ngọc Kim Ngân	28/05/2007	6.5		
680	02070284	Lê Hoàng Thanh Ngân	24/05/2007	6.5		
681	02005706	Ngô Minh Bảo Ngân	23/05/2007	7.5		
682	52000285	Ngô Mỹ Ngân	28/08/2007	6.5		
683	40020607	Nguyễn Gia Ngân	18/08/2007	8.0		
684	02071693	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	22/06/2007	7.0		
685	53011023	Nguyễn Huyền Bảo Ngân	28/09/2007	7.5		
686	04013456	Nguyễn Khánh Ngân	16/10/2007	8		1550
687	02081185	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	25/06/2006	6.0		
688	40020609	Nguyễn Thị Kim Ngân	04/12/2007	6.0		
689	07000318	Nguyễn Thuận Ngân	09/03/2007	6.0		
690	48018638	Trần Đặng Diễm Ngân	10/04/2007	6.5		
691	04013461	Trần Ngọc Khánh Ngân	01/08/2007	6.0		
692	01018460	Trịnh Thu Ngân	19/11/2006	6.0		
693	02055167	Võ Hoàng Khánh Ngân	07/08/2007	6		
694	02064438	Võ Thị Kim Ngân	13/09/2007	6.0		
695	02064439	Hồ Ngọc Phương Nghi	08/07/2007	6.0		
696	02005708	Hoàng Vân Nghi	08/10/2007	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
697	02010972	Lâm Phương Nghi	20/08/2007	7.5		
698	02081189	Lâm Xuân Nghi	16/09/2007	6.5		
699	56010647	Nguyễn Đức Gia Nghi	24/01/2007	6.5		
700	02058138	Nguyễn Hoàng Đông Nghi	25/05/2007	7.5		
701	61000292	Nguyễn Phương Nghi	03/01/2007	7.5		
702	02081192	Nguyễn Trịnh Gia Nghi	22/09/2007	6.5		
703	02010978	Phạm Trần Phương Nghi	11/12/2007	6.5		
704	48018834	Phạm Xuân Nghi	01/11/2006	6.5		
705	45002911	Trần Đặng Minh Nghi	02/11/2007	6.0		
706	02046365	Trần Đông Nghi	13/10/2007	7.0		1340
707	02010979	Trần Hạ Nghi	18/04/2007	7.0		
708	58003224	Trịnh Thảo Nghi	23/02/2007	7.5		
709	55011476	Lê Trọng Nghĩa	25/11/2007	6.5		
710	02055179	Nguyễn Thành Nghĩa	01/12/2007	8.0		
711	02010989	Nguyễn Gia Nghiệp	17/05/2007	7.0		
712	02096933	Bùi Lê Bảo Ngọc	21/05/2007	6.5		
713	02003571	Bùi Phạm Như Ngọc	08/04/2007	7.5		
714	44004853	Đặng Nguyễn Khánh Ngọc	12/02/2007	6.5		
715	02046369	Đặng Như Ngọc	13/12/2007	7		
716	02010991	Đặng Vũ Bảo Ngọc	17/03/2007	7.0		
717	38010542	Đỗ Mai Hồng Ngọc	08/03/2007	7.5		
718	01019683	Hoàng Bảo Ngọc	05/05/2007	8.5		1580
719	02046370	Lại Bùi Bảo Ngọc	16/04/2007	7.5		
720	02081203	Lê An Bảo Ngọc	19/09/2007	6.5		
721	02000319	Lê Khánh Ngọc	20/07/2006	6.5		
722	02010992	Lê Thanh Ngọc	17/05/2007	7.5		
723	02036253	Lin Kim Ngọc	19/09/2007	6.5		
724	02096942	Lương Thị Yến Ngọc	07/10/2007	6.0		
725	01012312	Nguyễn Bích Ngọc	17/12/2007	7.0		
726	41007853	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	01/12/2007	6.0		
727	02058150	Nguyễn Lê Hồng Ngọc	16/04/2007	7		
728	02092116	Nguyễn Minh Ngọc	20/12/2007	6.0		
729	02003581	Nguyễn Phạm Bích Ngọc	10/01/2007	6.5		
730	43000390	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	25/03/2007	6.0		
731	41007856	Nguyễn Trần Như Ngọc	23/12/2007	6.5		
732	37001758	Phạm Phương Ngọc	28/06/2007	6.0		
733	37000279	Trần Bảo Ngọc	28/01/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
734	55011488	Trần Nguyễn Như Ngọc	20/11/2007	8.0		
735	02003588	Trần Nguyễn Thanh Ngọc	08/07/2007	6.5		1390
736	52008988	Trần Thị Hồng Ngọc	25/12/2007	6.0		
737	02096959	Võ Thị Minh Ngọc	24/09/2007	6.5		
738	55011491	Bùi Trần Khánh Nguyên	21/07/2007	7.0		
739	04013483	Đặng Lê Hạnh Nguyên	23/10/2007	8		1540
740	02011002	Đoàn Lê Thảo Nguyên	01/01/2007	6.5		
741	02005730	Dương Thảo Nguyên	22/09/2007	6		
742	02005731	Hà Tố Nguyên	21/12/2007	8		1420
743	01027787	Hoàng Quang Nguyên	16/12/2007	7.0		
744	02011005	Khuru Trọng Nguyên	03/11/2007	7.0		
745	02081212	Lê Khôi Nguyên	17/05/2006	6.5		1470
746	02058160	Mai Phúc Nguyên	27/05/2007	6.5		
747	28001294	Ngo Bình Nguyên	09/09/2007	6.0		
748	48019882	Ngô Vĩnh Nguyên	03/09/2007	6.0		
749	02035295	Nguyễn Đỗ Mạch Nguyên	22/11/2006	7		
750	02000971	Nguyễn Đỗ Thảo Nguyên	25/10/2007	7.5		
751	02046381	Nguyễn Huỳnh Phúc Nguyên	13/10/2007	7.5		
752	51001119	Nguyễn Lê Ái Nguyên	05/05/2007	6.5		
753	41007863	Phạm Khôi Nguyên	20/01/2007	6.0		
754	02003594	Phó Thành Nguyên	01/11/2007	6.0		
755	02000336	Ung Nguyễn Thanh Nguyên	26/01/2006			1440
756	37000288	Võ Đình Nguyên	03/05/2007	6		
757	35003823	Lê Đỗ Minh Nguyệt	11/09/2007	6.5		
758	47007974	Nguyễn Ngọc Bích Nguyệt	05/11/2007	6		
759	02002951	Đỗ Đình Thanh Nhã	16/03/2007	7.5		
760	53009676	Trương Ngọc Nhân	08/09/2007	7.0		
761	02058169	Văn Thị Phương Nhân	05/12/2007	6.5		
762	02011017	Bùi Thiện Nhân	10/01/2007	6		
763	49011162	Chu Quyền Nhân	03/10/2007	7.0		
764	02058170	Đào Thiện Nhân	04/01/2007	6.5		
765	48020360	Lê Huỳnh Trung Nhân	03/03/2007	7.0		
766	02003602	Lê Trọng Nhân	21/03/2007	7		
767	02011023	Ngô Trọng Nhân	26/07/2007	6.0		
768	02044542	Nguyễn Hữu Nhân	14/03/2007	7.0		
769	35003833	Nguyễn Hữu Nhân	01/01/2007	7.0		
770	48020400	Nguyễn Lê Nhân	14/10/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
771	02064457	Nguyễn Phúc Thiện Nhân	29/01/2007	7.0		1380
772	02058173	Nguyễn Thành Nhân	01/12/2007	6.5		1380
773	02040447	Nguyễn Thị Thanh Nhân	05/02/2007	7.5		
774	02096969	Nguyễn Thiện Nhân	01/01/2007	6		
775	02021019	Nguyễn Trọng Nhân	10/11/2007	6.0		
776	50017586	Nguyễn Trọng Nhân	15/01/1999	7.0		
777	37000294	Nguyễn Văn Nhân	29/04/2007	6.5		
778	42001442	Nguyễn Văn Bảo Nhân	07/08/2007	7.0		
779	02096970	Phạm Thành Nhân	13/12/2007	6		
780	44004864	Phạm Thiện Nhân	22/10/2007	6.0		
781	52000315	Phan Thành Nhân	12/04/2007	6.5		
782	02011026	Phan Trọng Nhân	12/10/2007	6.5		
783	02005743	Trần Lê Thiện Nhân	18/11/2007	7		1490
784	40020667	Võ Duy Nhân	18/10/2007	6.5		
785	02005744	Đoàn Nguyễn Minh Nhật	02/08/2007	7.0		
786	02040448	Hà Minh Nhật	23/02/2007	7.5		1400
787	02003607	Lâm Quang Nhật	12/04/2007	7.0		1480
788	02096979	Lương Quang Nhật	02/12/2007	6.0		
789	02012885	Nguyễn Hoàng Nhật	20/09/2007	6.0		
790	02021022	Phạm Vũ Minh Nhật	26/01/2007	7.0		
791	02003609	Tô Quang Nhật	26/09/2007	7		
792	02003610	Trần Quang Nhật	15/07/2007	7		1400
793	02011033	Đoàn Nguyên Nhi	09/09/2007	6		
794	02003612	Hoàng Bảo Nhi	24/07/2007	8		1480
795	02003614	Hồng Phương Nhi	02/09/2007	7		
796	04010225	Lê Ngọc Phương Nhi	30/07/2007	6.0		
797	02092134	Lê Phạm Uyển Nhi	14/12/2007	6		
798	02048169	Lê Yến Nhi	07/10/2007	7.0		
799	02005749	Lưu Yến Nhi	06/12/2007	6.0		
800	02011038	Nguyễn Bùi Hồng Nhi	23/06/2007	7.5		1360
801	02092135	Nguyễn Đỗ Phương Nhi	30/04/2007	6.5		
802	04010673	Nguyễn Hà Thục Nhi	05/04/2007	6.5		1460
803	02096986	Nguyễn Hạnh Nhi	23/08/2007	7.0		
804	02046399	Nguyễn Huỳnh Bảo Nhi	11/08/2007	6.5		
805	02016561	Nguyễn Lê Gia Nhi	31/07/2007	6		
806	02003620	Nguyễn Minh Nhi	16/05/2007	6		
807	52000322	Nguyễn Phương Nhi	26/10/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
808	30016288	Nguyễn Quyên Nhi	14/01/2007	6.5		
809	04013511	Nguyễn Thị Ý Nhi	22/02/2007	6.5		
810	40020686	Phan Vũ Thảo Nhi	01/11/2007	6.5		
811	02092143	Phùng Bảo Nhi	31/10/2007	7.0		
812	52000324	Trần Nguyễn Thảo Nhi	19/10/2007	6.5		
813	02011044	Trần Uyên Nhi	09/02/2007	7		
814	37000311	Trần Uyển Nhi	04/07/2007	6.5		
815	02040460	Võ Yến Nhi	05/01/2007	6.5		
816	02032448	Nguyễn Hà Nhiên	21/12/2007	6.0		
817	02011052	Cung Trúc Như	12/12/2007	6		
818	02020380	Đoàn Khánh Như	14/08/2007	6.5		
819	02011053	Đôn Nguyễn Minh Như	26/11/2007	6.5		1460
820	04013515	Hồ Ngọc Quỳnh Như	04/11/2007	6.0		
821	02016573	Lê Nguyễn Uyên Như	03/01/2007	7		
822	42013022	Nguyễn Bảo Quỳnh Như	14/01/2007	6.0		
823	02058198	Nguyễn Hà Khánh Như	17/12/2007	6.0		
824	56010706	Nguyễn Huỳnh Minh Như	28/03/2007	6.5		
825	02011066	Nguyễn Minh Như	05/12/2007	6.5		
826	02002976	Nguyễn Phương Như	03/08/2007	7.5		
827	02092160	Nguyễn Từ Uyên Như	04/12/2007	6.5		
828	02092163	Phan Xuân Phương Như	24/05/2007	6.5		
829	50007941	Đỗ Cẩm Nhung	15/11/2007	6.5		
830	28027046	Nguyễn Trang Nhung	31/01/2007	6.0		
831	53011111	Nguyễn Hồng Minh Nhựt	13/12/2007	6.5		
832	51001159	Mai Hải Ninh	18/02/2007	6.0		
833	02011070	Nguyễn Lê Tú Oanh	08/09/2007	7.0		
834	35012685	Đặng Trịnh Gia Phát	15/09/2007	7.5		
835	02002985	Huỳnh Tấn Phát	15/07/2007	6.5		
836	02015830	Lâm Lộc Phát	24/04/2025	6.0		
837	37016884	Lý Tấn Phát	06/09/2007	7.0		
838	02092169	Ngô Hoàng Phát	03/09/2007	6.0		
839	02013434	Nguyễn Hòa Phát	05/02/2007	6.5		
840	02011076	Nguyễn Khánh Phát	19/03/2007	6.5		
841	02096252	Nguyễn Khánh Phát	28/01/2007	7.5		
842	02040477	Nguyễn Tấn Phát	20/12/2007	6.5		
843	02058209	Nguyễn Tấn Phát	02/02/2007	7.0		
844	52001114	Nguyễn Tấn Phát	18/08/2007	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
845	50006064	Nguyễn Thiên Phát	09/06/2007	6		
846	39009630	Nguyễn Tiến Phát	29/09/2007	6.0		
847	02002987	Trần Hồng Phát	09/02/2007	6.5		
848	35013839	Đỗ Nguyễn Thanh Phong	28/12/2007	6.0		
849	02005771	Nguyễn Huy Phong	13/12/2007	6		
850	02058217	Trần Đình Phong	07/03/2007	6.5		
851	02000373	Trần Nguyễn An Phong	24/01/2006	6.5		
852	02016593	Võ Thiên Phong	31/07/2007	6.5		
853	02011086	Cao Việt Phú	08/04/2007	6.0		
854	02011088	Lê Nguyễn Vĩnh Phú	26/12/2007	7.0		
855	41014203	Lương Minh Phú	28/02/2007	6.0		
856	02011089	Nguyễn Bảo Phú	19/11/2007	7.5		1400
857	02058220	Nguyễn Đăng Phú	30/04/2007	6.5		
858	55007981	Nguyễn Huỳnh Thiên Phú	02/11/2007	8.0		
859	02046423	Nguyễn Xuân Phú	01/06/2007	6.0		
860	02010614	Phạm Khương Thiên Phú	18/07/2007	7		1420
861	02002993	Wuttara Hoàng Phú	20/01/2007	7		
862	02011091	Đoàn Trần Diễm Phúc	22/09/2007	8.5		1560
863	02011092	Hồ Đắc Hoàng Phúc	08/11/2007	7		
864	02064490	Lê Hoàng Phúc	02/05/2007	6.0		
865	02096269	Lê Thiện Phúc	19/04/2007	6.5		
866	02064491	Lê Vũ Hoàng Phúc	26/05/2007	6.5		
867	01012375	Mai Tuấn Phúc	31/08/2007	6.0		
868	02096271	Nguyễn Huy Phúc	25/09/2007	7.5		
869	55007994	Nguyễn Lê Hồng Phúc	22/02/2007	7.0		
870	02005775	Nguyễn Lê Mỹ Phúc	30/04/2007	6.5		
871	46000541	Nguyễn Thanh Phúc	10/08/2007	6.5		
872	02035363	Nguyễn Thành Phúc	04/01/2006	6.5		
873	04013532	Trần Hoàng Phúc	14/10/2007	6.5		
874	04010703	Trần Minh Phúc	06/09/2007	6.5		
875	37000352	Trần Nguyên Phúc	18/03/2007	7.0		
876	02016601	Trình Quang Phúc	20/12/2007	6		
877	04010705	Lê Đức Phụng	12/02/2007	6.0		
878	02005779	Nguyễn Gia Tường Phụng	06/09/2007	6.0		
879	02064503	Bùi Hồ Minh Phước	24/06/2007	6		
880	50007986	Đoàn Minh Phước	09/01/2007	7.0		
881	02005780	Huỳnh tấn Phước	27/09/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
882	45002993	Nguyễn Công Phước	26/01/2007	6.0		
883	37006011	Nguyễn Đình Phước	24/08/2007	6.0		
884	56010736	Nguyễn Huỳnh Phước	17/01/2007	6.0		
885	54003264	Bùi Mai Phương	15/09/2007	6		
886	55012774	Đình Hoàng Minh Phương	09/12/2007	7.0		
887	44001514	Đoàn Nguyễn Thanh Phương	15/04/2007	6.0		
888	02040491	Dương Lập Phương	02/07/2007	6.5		
889	02051272	Lâm Tú Phương	03/12/2007	6.5		
890	49014661	Lê Nguyễn Minh Phương	29/07/2007	7.5		
891	45001937	Lê Phạm Nam Phương	01/06/2007	6.0		
892	37000359	Mai Hoàng Nam Phương	26/11/2007	7.5		
893	02021095	Nguyễn Hải Phương	23/03/2006	6.5		
894	02005308	Nguyễn Hoàng Nam Phương	07/06/2007	6.5		
895	02046439	Nguyễn Mai Phương	04/10/2007	7		
896	02011111	Nguyễn Thị Minh Phương	28/10/2007	6.5		
897	19010477	Nguyễn Thị Minh Phương	24/10/2007	7.5		
898	02072763	Phan Đặng Thảo Phương	02/03/2007	6.0		
899	51018582	Phan Mai Phương	06/12/2007	7.5		1470
900	02016603	Sân Sậu Thanh Phương	24/06/2007	7		
901	02003004	Tô Minh Phương	19/09/2007	7		
902	50006741	Trần Nguyễn Trúc Phương	16/05/2007	6.0		
903	02081290	Võ Ngọc Minh Phương	18/12/2007	6.0		
904	26002108	Vũ Lan Phương	03/04/2007	6.0		
905	03017958	Vương Thị Hải Phương	04/03/2007	7.5		
906	02092189	Nguyễn Hà Ngọc Phương	09/03/2007	6.5		
907	02058249	Bùi Tường Quân	18/01/2007	7		
908	02058251	Đặng Trần Minh Quân	05/10/2007	6.5		
909	02011122	Hồ Minh Quân	04/03/2007	7.5		1390
910	02046445	Hồ Ngọc Mỹ Quân	14/04/2007	7.5		
911	02015892	Lê Hồng Quân	04/02/2006	6.5		
912	02048231	Lê Ngọc Minh Quân	02/04/2007	7		
913	02096296	Lưu Mẫn Quân	02/03/2007	6.5		
914	02011124	Mai Cát Hồng Quân	19/12/2007		96	1510
915	02064014	Nguyễn Hoàng Quân	05/12/2007	7.5		
916	02011125	Nguyễn Minh Quân	09/03/2007	6		
917	02011126	Nguyễn Minh Quân	15/11/2007	6.5		
918	02011127	Nguyễn Minh Quân	26/05/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
919	48024881	Nguyễn Minh Quân	23/08/2007	7.0		
920	42001549	Nguyễn Văn Quân	23/04/2007	6.5		
921	02058262	Nhâm Bội Quân	30/03/2007	7		
922	48024942	Phạm Nguyễn Hoàng Quân	05/03/2007	7.5		1460
923	02058263	Trần Hoàng Uyển Quân	09/12/2007	6.0		
924	02032449	Trương Thụy Minh Quân	09/03/2007	6.0		
925	02003008	Văn Anh Quân	21/02/2007	7.5		
926	02011116	Lê Xuân Quang	14/07/2007	7.5		1470
927	02011117	Nguyễn Công Minh Quang	30/12/2007	7.5		
928	46000559	Nguyễn Huỳnh Nhật Quang	18/10/2007	8.0		
929	02090439	Nguyễn Minh Quang	26/12/2007	7.5		
930	02021108	Phan Minh Quang	24/05/2007	6.5		
931	02011119	Tháo Minh Quang	30/01/2007	7.5		1440
932	02011131	Đoàn Kiến Quốc	07/10/2007	7.5		1520
933	02046455	Lê Trần Kiến Quốc	03/04/2007	7.5		1410
934	02035391	Lê Căn Quý	28/12/2006	7.0		
935	02081303	Lê Phú Quý	19/07/2005	6		
936	02046457	Trần Đức Quý	18/10/2007	7.5		
937	02092198	Đào Thị Tố Quyên	15/05/2007	6		
938	02000408	Đỗ Quyên	13/03/2007	6.5		
939	02016609	Lê Quyên Quyên	27/09/2007	6		
940	01015656	Nguyễn Hoàng Quyên	06/11/2007	6.0		
941	48025263	Nguyễn Quang Thảo Quyên	27/06/2007	7.0		
942	02016613	Nguyễn Gia Quyên	25/10/2007	7.5		
943	02048234	Quyên Cao Quyên	20/07/2007	7		
944	32002639	Đoàn Như Quỳnh	06/03/2007	6.0		
945	25002513	Dương Thúy Quỳnh	13/11/2007	6.0		
946	02051300	Hoàng Thị Như Quỳnh	21/10/2007	6.0		
947	02070378	Lê Thúy Quỳnh	21/07/2007	7.0		
948	02006292	Nguyễn Hương Quỳnh	27/04/2007	7		
949	48025558	Nguyễn Lê Như Quỳnh	24/02/2007	6.0		
950	51018606	Nguyễn Lê Như Quỳnh	29/09/2007	6.5		
951	21016910	Nguyễn Phương Quỳnh	24/03/2007	7.0		
952	02096315	Nguyễn Thái Diễm Quỳnh	22/05/2007	7.5		
953	28002508	Nguyễn Thị Quỳnh	02/04/2007	6.0		
954	37000386	Nguyễn Thị Như Quỳnh	07/06/2007	6.5		
955	63008472	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	16/06/2006			1360

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
956	02016617	Nguyễn Trần Khánh Quỳnh	29/07/2007	6.0		
957	44004904	Nguyễn Trúc Quỳnh	12/12/2007	7		
958	02016618	Phạm Ngọc Như Quỳnh	15/11/2007	6		
959	02048241	Võ Nguyễn Như Quỳnh	25/11/2007	6		
960	02011145	Võ Xuân Diễm Quỳnh	26/12/2007	6		
961	02046463	Hứa Nữ Tiên Sa	18/01/2007	6.5		
962	02003020	Lý Bảo San	27/05/2007	6		
963	44001547	Nguyễn Minh Sang	18/02/2007	7.0		
964	29003879	Võ Minh Sáng	03/03/2007	6.5		
965	02006294	Biện Bảo Thái Sơn	15/08/2007	7.0		
966	30005673	Bùi Xuân Sơn	19/11/2007	6.5		
967	02011152	Đình Ngụy Trường Sơn	14/05/2007	6.5		
968	02048246	Lê Tùng Sơn	27/10/2007	6.0		
969	43003943	Nguyễn Đào Hữu Sơn	27/11/2007	6.0		
970	02011154	Nguyễn Hữu Sơn	10/06/2007	6.5		
971	08005649	Nguyễn Việt Sơn	31/07/2007	7.0		
972	02092209	Ninh Xuân Sơn	24/06/2007	6		
973	02011156	Trần Hoàng Sơn	14/01/2007	8.0		1450
974	02051318	Võ Thành Sơn	16/09/2007	6		
975	02011159	Lê Thanh Tài	07/03/2007	6		
976	54003309	Nguyễn Anh Tài	07/02/2007	6.0		
977	02011161	Bùi Đào Hồng Tâm	02/01/2007	6		
978	04010743	Đào Ngọc Minh Tâm	26/08/2007	6.0		
979	02046473	Đỗ Lê Nhật Tâm	07/05/2007	7.5		
980	02081339	Đỗ Nhân Tâm	15/05/2007	6		
981	48026507	Đỗ Thị Thanh Tâm	05/02/2007	6.0		
982	02011162	Hoàng Ngọc Minh Tâm	22/01/2007	7.0		1400
983	04010744	Lê Ngọc Bảo Tâm	25/01/2007	7.0		
984	02035409	Nguyễn Huỳnh Trang Tâm	06/02/2006	7.5		1550
985	02096324	Nguyễn Minh Tâm	22/03/2007	6		
986	44001563	Nguyễn Ngọc Tâm	03/05/2007	6.5		
987	02011163	Nguyễn Ngọc Thanh Tâm	07/05/2007	6.0		
988	02092220	Nguyễn Phương Tâm	22/04/2007	6.5		
989	41009714	Nguyễn Thị Thanh Tâm	10/01/2007	6.5		
990	52004426	Phạm Minh Tâm	16/09/2007	6.5		
991	02011164	Phan Minh Tâm	12/01/2007	7.0		1360
992	55015572	Thái Phạm Khánh Tâm	27/10/2007	8.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
993	57001693	Võ Diệp Thiên Tâm	21/05/2007	6.5		
994	04013562	Đặng Nguyễn Nhật Tân	03/04/2007	6.5		
995	50014461	Võ Thanh Tân	13/04/2007	6.0		
996	02006299	Bạch Nam Tấn	28/12/2007	7.0		
997	55012790	Nguyễn Kiến Tạo	26/09/2007	7.0		
998	40020845	Nguyễn Quang Thạch	29/07/2007	6.0		
999	02003026	Đình Thành Thái	23/01/2007	7.0		1440
1000	02000446	Kim Vĩnh Thái	18/02/2007	7		
1001	02005346	Nguyễn Duy Thái	01/10/2007	6.5		
1002	44004936	Dương Đoàn Quyết Thắng	01/01/2007	6.5		
1003	04013588	Nguyễn Việt Hiệp Thắng	26/06/2007	7.0		
1004	50013551	Phan Đại Thắng	10/12/2007	8.0		
1005	52000420	Phan Hữu Thắng	25/09/2007	7.5		1440
1006	02046481	Châu Hồng Bảo Thanh	04/11/2007	6.5		
1007	02006301	Huỳnh Quang Thanh	28/08/2007	7		
1008	40020851	Lê Quang Hoài Thanh	26/06/2007	6.5		
1009	02011177	Nguyễn Yên Thanh	22/08/2007	6.5		
1010	02064047	Trần Lê Thanh	20/03/2007	7.0		
1011	02064048	Trương Đình Thanh	27/11/2007	6		
1012	02096339	Đặng Tiến Thành	20/10/2007	6.0		
1013	48027174	Đặng Trần Công Thành	31/03/2007	7.0		
1014	02081359	Đào Trung Thành	08/08/2007	7.0		
1015	52011646	Dương Võ Nguyên Thành	14/10/2006	6		
1016	02046487	Hà Minh Thành	14/03/2007	7		1410
1017	04013569	Lê Minh Thành	03/06/2007	8.0		1530
1018	02003031	Lê Nguyễn Khánh Thành	16/04/2007	6		
1019	61001227	Trần Việt Thành	20/11/2007	6.5		
1020	02011180	Bùi Thị Như Thảo	22/02/2007	7.0		
1021	44004929	Dương Ngọc Hiền Thảo	13/03/2007	6.5		
1022	44004933	Hồ Thị Thanh Thảo	17/01/2007	6.5		
1023	54003336	Huỳnh Ngọc Thanh Thảo	28/10/2007	7.0		
1024	02011182	Nguyễn Đoàn Ngân Thảo	26/02/2007	7.5		1340
1025	29003901	Nguyễn Minh Thảo	06/09/2007	7.0		
1026	02011183	Nguyễn Phương Thảo	20/02/2007	7.0		
1027	02016640	Nguyễn Thanh Thảo	20/10/2007	6.5		
1028	02085928	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15/11/2007	6.0		
1029	29004442	Nguyễn Trần Phương Thảo	20/07/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1030	52000414	Phạm Thanh Thảo	19/03/2007	6.5		
1031	57001628	Phạm Thanh Thảo	06/12/2007	7.5		
1032	39009303	Phan Nguyễn Như Thảo	28/09/2007	6.0		
1033	02058307	Trần Kim Băng Thảo	28/10/2007	6.0		
1034	02003038	Trần Nguyễn Phương Thảo	27/03/2007	7		
1035	49004654	Trần Thanh Ngân Thảo	31/07/2007	6.0		
1036	28002551	Trịnh Thanh Thảo	25/02/2007	6.0		
1037	54003357	Nguyễn Văn Thật	01/04/2007	6.0		
1038	53011213	Nguyễn Lâm Nguyệt Thi	03/10/2007	6		
1039	56010802	Nguyễn Thị Hồng Thi	13/08/2007	6.0		
1040	02096357	Nguyễn Thị Mai Thi	04/04/2007	7.5		
1041	55011580	Nguyễn Như Gia Thiên	30/08/2007	8.0		
1042	02015964	Phan Châu Thiên	13/07/2006	6.0		
1043	04010768	Thái Thuận Thiên	29/11/2007	6.5		
1044	29003907	Dương Đức Thiện	09/11/2007	7.5		1470
1045	02046501	Lê Vũ Tâm Thiện	03/07/2007	6.0		
1046	58002471	Nguyễn Lương Thiện	16/10/2007	6.0		
1047	44004940	Nguyễn Phước Thiện	11/02/2007	6.0		
1048	02003045	Võ Đức Thiện	03/03/2007	7.0		
1049	02048276	Dương Trần Doãn Thiệu	06/09/2007	6		
1050	02058328	Ngô Vĩnh Thịnh	11/10/2007	6		
1051	02058327	Bùi Hoàng Thịnh	16/10/2007	6.0		
1052	02011190	Đào Phúc Thịnh	28/07/2007	7.0		1500
1053	02013547	Đoàn Tất Thịnh	03/08/2007	6		
1054	02003046	Hứa Lê Đức Thịnh	07/12/2007	6.5		
1055	02055318	Lê Đức Thịnh	15/11/2007	6.0		
1056	56010811	Lê Phước Thịnh	05/11/2007	6.5		
1057	31009505	Lê Trường Thịnh	20/02/2007	7		
1058	50008065	Nguyễn Hồ Cao Thịnh	10/03/2007	7.0		
1059	02016650	Nguyễn Hoàng Hưng Thịnh	26/10/2007	6		
1060	02089500	Nguyễn Phúc Thịnh	06/02/2007	6		
1061	02011196	Phạm Duy Thịnh	15/03/2007	7.5		
1062	02011197	Phạm Nguyễn Gia Thịnh	24/01/2007	6		
1063	56010817	Phạm Phúc Thịnh	10/12/2007	6.0		
1064	37000425	Trương Hứa Quốc Thịnh	24/02/2007	6.5		
1065	02081388	Trương Phúc Thịnh	10/12/2007	6.0		
1066	02011199	Võ Quốc Trường Thịnh	05/10/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1067	48028703	Lê Huỳnh Anh Thơ	11/01/2007	7.0		1400
1068	50008075	Nguyễn Anh Thơ	12/10/2007	7.0		
1069	01027959	Nguyễn Trần Thọ	26/02/2007	7.5		1530
1070	02081389	Sử Thanh Phú Thọ	17/05/2007	6.0		
1071	02003049	Nguyễn Hoàng Bảo Thoa	25/10/2007	6.5		
1072	02011201	Lương Phan Huy Thông	06/12/2007	7.5		
1073	02006318	Nguyễn Hoàng Bá Thông	19/06/2007	7		1340
1074	02011202	Nguyễn Quang Thông	08/06/2007	7.5		1440
1075	55011589	Trần Minh Thông	27/11/2007	6.0		
1076	44004957	Bùi Lê Anh Thư	14/03/2007	6.0		
1077	56010826	Châu Nguyễn Anh Thư	16/03/2007	6.5		
1078	02058350	Đặng Anh Thư	03/07/2007	6.5		
1079	51001334	Đỗ Ngọc Thư	06/11/2007	8.0		
1080	54007309	Dương Ngọc Minh Thư	03/05/2005	6.0		
1081	01066605	Hoàng Anh Thư	04/04/2007	7.0		
1082	53011240	Hoàng Ngọc Anh Thư	11/08/2007	7		
1083	02092274	Huỳnh Hoàng Anh Thư	12/01/2006	6.5		
1084	02021214	Lê Hoài Minh Thư	03/01/2007	6.5		
1085	04010782	Lê Hoàng Anh Thư	08/02/2007	6.5		
1086	02011221	Lê Minh Thư	19/09/2007	7.0		
1087	51001338	Lý Anh Phương Thư	03/02/2006	6.0		
1088	02081411	Ngô Minh Thư	01/01/2005	6		
1089	38000598	Nguyễn Anh Thư	06/09/2007	7.0		
1090	56010831	Nguyễn Bảo Anh Thư	02/04/2007	6.0		
1091	37000441	Nguyễn Hoàng Anh Thư	28/12/2007	7.5		
1092	02016667	Nguyễn Hoàng Kim Thư	17/05/2007	6.5		
1093	37000442	Nguyễn Huỳnh Linh Thư	15/11/2007	7.0		
1094	52000439	Nguyễn Lê Anh Thư	06/03/2007	7.5		
1095	01019768	Nguyễn Minh Thư	06/08/2007	7.5		
1096	02015994	Nguyễn Minh Thư	16/07/2006	6.5		
1097	42000709	Nguyễn Ngọc Anh Thư	11/01/2007	7.0		
1098	56011294	Nguyễn Ngọc Anh Thư	15/06/2007	6.0		
1099	02058357	Nguyễn Ngọc Minh Thư	16/07/2007	7		
1100	02096390	Nguyễn Ngọc Thiên Thư	09/04/2007	7.0		
1101	02011224	Nguyễn Phùng Kim Thư	24/11/2007	6.5		
1102	02058360	Nguyễn Trần Anh Thư	27/06/2007	7.5		
1103	02021227	Phạm Anh Thư	09/02/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1104	48029854	Phạm Lê Anh Thư	20/08/2007	7.0		1400
1105	38000602	Phạm Minh Thư	03/05/2007	6.5		
1106	02015996	Phạm Ngọc Anh Thư	21/12/1998	6.0		
1107	02046529	Phan Ngọc Minh Thư	28/07/2007	7.5		1460
1108	02021232	Phùng Duy Anh Thư	28/11/2007	7.5		1370
1109	44005528	Trần Anh Thư	27/11/2007	6.0		
1110	28039463	Trịnh Anh Thư	07/02/2007	6.5		
1111	02096396	Võ Minh Thư	12/09/2007	7.0		
1112	44005530	Vũ Minh Thư	23/07/2007	6.0		
1113	02032025	Châu Hoàng Thức	19/05/2007	6.0		
1114	44005532	Lê Công Thức	18/08/2007	6.5		
1115	02032534	Lê Phương Thúy	21/06/2007	6		
1116	52007163	Lê Linh Thùy	08/07/2007	7.5		
1117	02016671	Bùi Ngọc Minh Thy	16/12/2007	6.0		
1118	02048302	Bùi Nguyễn Mai Thy	16/01/2007	6		
1119	02072891	Dương Bảo Thy	12/06/2007	6.0		
1120	02011238	Nguyễn Phạm Bảo Thy	23/09/2007	6.5		
1121	02064122	Nguyễn Trần Phương Thy	23/12/2007	6.0		
1122	02035913	Phạm Xuân Thy	23/03/2006	6.5		
1123	40020917	Võ Ngọc Mai Thy	08/09/2007	6.5		
1124	02011240	Võ Ngọc Vân Thy	09/08/2007	7.5		1490
1125	02003075	Ngô Phạm Hồng Tiên	29/12/2007	6.0		
1126	02016678	Võ Nguyễn Mỹ Tiên	28/10/2007	7.5		
1127	51001364	Trương Bảo Tiến	24/05/2007	6.0		
1128	02081421	Võ Nhật Tiến	29/12/2006	6		
1129	02096405	Nguyễn Trung Tín	07/03/2007	6.5		
1130	02011250	Tạ Như Trung Tín	22/04/2007	6		
1131	02092293	Hoàng Đình Toàn	22/08/2007	6.5		
1132	02032567	Nguyễn Đình Toàn	09/09/2007	6.5		
1133	50006220	Phạm Hoàng Gia Toàn	14/09/2007	7.5		
1134	02055345	Trần Lê Hương Trà	27/11/2007	7		
1135	02021272	Cao Thùy Trâm	02/12/2007	6		
1136	02016026	Lê Đỗ Quỳnh Trâm	08/09/2006	7.0		
1137	02011264	Lê Đoàn Anh Trâm	25/08/2007	7.0		
1138	30016451	Lưu Ngọc Trâm	04/07/2007	6.5		
1139	02046561	Nguyễn Lê Trâm	11/12/2007	6.5		1440
1140	02000527	Nguyễn Lê Huỳnh Trâm	18/11/2007	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1141	02051434	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	25/07/2007	6.0		
1142	02048910	Nguyễn Thị Thu Trâm	29/10/2007	6.0		
1143	02035464	Trương Minh Trâm	07/10/2006	6		
1144	02011276	Đặng Mai Bội Trâm	07/02/2007	8.0		
1145	02003093	Huỳnh Trương Ngọc Trâm	13/12/2007	6.5		
1146	02011278	La Bảo Trâm	07/04/2007	7.5		1380
1147	02046564	Lê Ngọc Bảo Trâm	22/09/2007	7.0		
1148	48032251	Nguyễn Hoàng Bảo Trâm	19/05/2007	7.5		1360
1149	02011283	Phạm Ngọc Bảo Trâm	09/08/2007	6.5		
1150	02016689	Phan Ngọc Thảo Trâm	11/01/2007	7		
1151	02003094	Trần Ngọc Bảo Trâm	18/09/2007	6		
1152	49004710	Lê Nguyễn Thảo Trang	01/01/2007	6.5		
1153	02035460	Liên Nguyệt Thiên Trang	22/04/2006	6		
1154	03024403	Nguyễn Minh Trang	11/11/2007	6.5		
1155	44009680	Nguyễn Phạm Khánh Trang	19/10/2007	7		
1156	02003083	Nguyễn Thị Thùy Trang	11/11/2007	6.0		
1157	02035461	Nguyễn Thị Thùy Trang	18/01/2006	6.0		
1158	42000760	Thân Ngọc Minh Trang	22/08/2007	7		
1159	02011260	Trần Nguyễn Thùy Trang	30/05/2007	6.0		1380
1160	52000453	Trần Quỳnh Mai Trang	02/03/2007	7.5		1340
1161	02016685	Trần Thị Thùy Trang	13/09/2007	6.5		
1162	02003095	Danh Lâm Đức Trí	06/09/2007	7.5		
1163	35004064	Đỗ Quang Trí	29/01/2007	7.0		
1164	02011288	Lê Đức Trí	07/02/2007	7.0		
1165	02058384	Lê Trọng Trí	21/11/2007	7.5		
1166	32002730	Nguyễn Đức Trí	16/08/2007	6.0		
1167	04013639	Nguyễn Ngọc Minh Trí	12/09/2007	6.0		
1168	02048919	Nguyễn Thành Trí	23/07/2007	6.5		
1169	02011292	Phạm Lê Minh Trí	02/06/2007	7.5		1400
1170	02003098	Phạm Minh Trí	06/11/2007	7.5		1510
1171	01036871	Vũ Minh Trí	16/10/2007	6.5		
1172	02081454	Dương Hoàng Triết	30/08/2007	6.5		
1173	02096432	Lê Minh Triết	17/12/2007	6		
1174	53009876	Tổng Minh Triết	06/09/2007	7.0		
1175	04013643	Nguyễn Duy Phương Trinh	21/09/2007	6.5		
1176	02011297	Lê Phú Trọng	06/11/2007	7.5		1420
1177	02011300	Lê Hoàng Thủy Trúc	30/09/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1178	02081467	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	6.5		
1179	02046586	Nguyễn Cao Thanh Trúc	09/10/2007	6.5		
1180	04010832	Ông Thanh Bảo Trúc	13/12/2007	6.0		
1181	02003106	Tô Nguyễn Thanh Trúc	08/11/2007	6.5		
1182	02011304	Trần Thị Thanh Trúc	14/07/2007	6.5		
1183	02011305	Trịnh Lê Thanh Trúc	14/04/2007	7.5		
1184	37000490	Đoàn Trung Trục	06/08/2007	8.0		
1185	02050828	Hà Trung	31/12/2007	7		
1186	02032604	Huỳnh Bửu Trung	30/06/2007	6.5		
1187	48033261	Nguyễn Thành Trung	30/10/2007	7.5		
1188	02011309	Phạm Đoàn Quốc Trung	27/01/2007	7.0		1350
1189	43011195	Trần Hữu Trung	27/04/2007	6		
1190	55012840	Nguyễn Đăng Trường	07/01/2007	6.5		
1191	48033426	Nguyễn Quang Trường	21/01/2007	6.5		
1192	29027386	Trần Tử Trường	22/01/2007	6.5		
1193	02011311	Nguyễn Lê Quang Truyền	01/08/2007	6		
1194	52000467	Nguyễn Cẩm Tú	28/01/2007	7.5		
1195	57001710	Nguyễn Lê Khả Tú	06/11/2007	6.0		
1196	01019795	Nguyễn Minh Tú	18/07/2007	6.0		
1197	37000494	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	04/07/2007	6.0		
1198	47008200	Phạm Đoàn Minh Tú	15/12/2007	7.0		
1199	02096457	Từ Thị Thủy Tú	06/12/2007	6.5		
1200	53008726	Phạm Tuấn	20/04/2007	6.5		
1201	02006353	Lê Đỗ Minh Tuấn	30/09/2007	6.5		
1202	48034070	Phạm Anh Tuấn	26/02/2007	8		1560
1203	02021315	Nguyễn Hữu Phúc Tuệ	01/07/2007	8.0		1530
1204	02096462	Nguyễn Ngọc Đoàn Tuệ	17/12/2007	6.5		
1205	02092315	Nguyễn Tống Trí Tuệ	01/09/2007	6.0		
1206	02016707	Trần Huỳnh Ngọc Tuệ	31/01/2007	6.0		
1207	02096464	Đình Việt Tùng	09/11/2007	7.0		
1208	37000502	Huỳnh Gia Tùng	29/11/2007	6.5		
1209	44005026	Nguyễn Sơn Tùng	14/10/2007	6.0		
1210	02000558	Đào Nguyễn Cát Tường	19/09/2007	6.5		
1211	02058400	Đỗ Cát Tường	21/01/2007	6.0		
1212	02000559	Lê Nguyên Cát Tường	01/11/2007	7.5		
1213	02010727	Ngô Khánh Tường	14/05/2007	7.5		
1214	41008107	Nguyễn Ngọc Cát Tường	03/08/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1215	02058401	Nguyễn Trần Cát Tường	16/11/2007	7.5		
1216	02092319	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	26/12/2007	6		
1217	55011648	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	23/04/2007	6.0		
1218	02048355	Đỗ Thanh Tuyền	11/11/2007	6.0		
1219	02081502	Trần Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	24/09/2006	6		
1220	02006356	Đặng Phước Tỷ	02/08/2007	6.5		
1221	04013654	Lê Cao Na Uy	06/12/2007	6.0		
1222	02046598	Nguyễn Quốc Uy	09/02/2007	6		
1223	35004114	Cao Minh Uyên	03/09/2007	7.0		
1224	51001436	Đặng Ngọc Minh Uyên	20/11/2007	6.5		
1225	55011657	Lê Ngọc Phương Uyên	02/05/2007	7.0		
1226	35001039	Nguyễn Thuận Uyên	01/08/2007	6.0		
1227	02046607	Nguyễn Võ Phương Uyên	08/11/2007	6.5		
1228	02016710	Phạm Ngọc Kim Uyên	29/01/2007	6.0		
1229	51001439	Phan Thị Hồng Uyên	06/06/2006	6.0		
1230	44016500	Phan Thúy Uyên	03/04/2007	6.5		
1231	50008176	Trần Đông Uyên	25/05/2007	6.5		
1232	02048956	Trần Thị Mỹ Uyên	18/04/2007	6		
1233	41003052	Trương Hoàng Tố Uyên	10/08/2007	6.0		
1234	54005922	Ngô Tuyết Vân	11/09/2007	6.5		
1235	02010743	Nguyễn Ngọc Tường Vân	07/01/2007	7.0		
1236	02044838	Nguyễn Thị Thu Vân	18/04/2007	6		
1237	02096485	Phạm Hồng Vân	04/06/2007	7		
1238	02010747	Vu Ái Vân	12/11/2007	7.0		1390
1239	02032631	Ngô Nguyễn Kỳ Viên	14/12/2007	6		
1240	02040589	Đặng Tấn Việt	07/05/2007	6		
1241	02058407	Huỳnh Quốc Việt	09/07/2007	6.5		1370
1242	02010751	Nguyễn Minh Việt	12/01/2007	8.0		
1243	52000486	Trần Quốc Việt	02/08/2007	7.0		
1244	52004590	Trần Quốc Việt	15/06/2007	6.5		
1245	28002632	Lê Bá Quang Vinh	14/04/2007	6.5		1440
1246	02003155	Nguyễn Công Vinh	23/03/2007	7		
1247	42000841	Nguyễn Phan Vinh	19/03/2007	6.5		
1248	02010754	Nguyễn Thành Vinh	19/11/2007	8.5		1550
1249	52004593	Nguyễn Trịnh Thanh Vinh	18/06/2007	6.0		
1250	02010755	Ôn Gia Vinh	26/12/2007	7.5		
1251	56010915	Trần Minh Xuân Vinh	09/08/2007	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1252	02096495	Trần Quang Vinh	08/11/2007	6		
1253	02011343	Lê Hoàng Vũ	14/08/2007	7.5		
1254	02046619	Phan Phi Vũ	06/09/2007	6.5		
1255	52008217	Dương Quốc Vương	05/12/2007	6.5		
1256	49013109	Đỗ Thịnh Vượng	06/04/2007	7.0		
1257	02058870	Quản Hữu Vượng	09/11/2007	7.5		
1258	55008233	Cao Thảo Vy	22/02/2007	6.0		
1259	02058411	Đặng Ngọc Ái Vy	06/12/2007	7		
1260	02016104	Đinh Vũ Tường Vy	20/04/2006	6.0		
1261	02048376	Đỗ Hoàng Khánh Vy	03/06/2007	6		
1262	02016721	Đỗ Ngọc Phương Vy	31/12/2007	6.0		
1263	02058412	Hoàng Thanh Vy	21/05/2007	7		
1264	02064201	Lê Lý Hoàng Vy	17/07/2007	6.0		
1265	02021354	Lê Nguyễn Hạ Vy	14/04/2007	6.5		
1266	02011355	Ngô Khánh Vy	09/09/2007	7.5		1390
1267	47005303	Ngô Lê Yến Vy	16/05/2007	7.0		
1268	50015000	Ngô Phương Vy	11/11/2007	6.5		
1269	02011356	Nguyễn Bảo Vy	10/06/2007	7		1350
1270	56010922	Nguyễn Huỳnh Nhật Vy	04/06/2007	7.5		
1271	01028095	Nguyễn Khánh Vy	19/05/2007	6.5		
1272	02011358	Nguyễn Khánh Vy	12/09/2007	6.5		
1273	02003183	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	28/02/2007	6.0		
1274	02048382	Nguyễn Quan Hoàn Vy	06/09/2007	7.5		
1275	56010926	Nguyễn Thị Thanh Vy	20/08/2007	6.5		
1276	02046628	Phùng Ngọc Nhã Vy	07/10/2007	7		
1277	02003188	Tiêu Gia Vy	03/12/2007	6.0		
1278	45003210	Trần Ngọc Lam Vy	23/07/2007	6.0		
1279	02048389	Trần Thoại Bảo Vy	29/06/2007	7.0		
1280	50008209	Trần Thúy Vy	02/11/2007	6.0		
1281	41008160	Phạm Vỹ	13/12/2007	6.0		
1282	02096510	Hồ Thanh Xuân	21/02/2007	6.5		
1283	51016331	La Ngọc Ý	16/07/2007	6.5		
1284	60000513	Phạm Ngọc Như Ý	02/04/2007	6.5		
1285	02081535	Phùng Như Ý	06/08/2006	6		
1286	02092360	Thái Thị Như Ý	05/09/2007	7.5		
1287	02006381	Đại Hoàng Yên	24/02/2007	6.0		
1288	02021376	Nguyễn Ngọc Hải Yên	05/05/2007	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1289	56001670	Nguyễn Thị Hải Yến	15/04/2007	6.0		
1290	02021379	Phạm Nguyễn Hải Yến	17/09/2007	6.5		
1291	02035503	Trương Mỹ Yến	24/11/2006	6		

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH